

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

HÀ NỘI, THÁNG 02 NĂM 2022



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

02 - 03

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

04 - 05

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

06 - 07

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

08

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

09

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

10 - 35



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Chúng tôi, các thành viên Ban Điều hành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên (Từ nhiệm ngày 08/04/2021)
Ông Quách Mạnh Hào	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập
Ông Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập

Ban Điều hành

Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01/03/2021)
Ông Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc (Bỏ nhiệm ngày 01/03/2021)
Bà Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng giám đốc (Từ nhiệm ngày 31/12/2021)
Ông Nguyễn Hoàng Lương	Giám đốc tài chính (Bỏ nhiệm ngày 04/10/2021)
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower,
số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

*đính kèm báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021*

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

(tiếp theo)

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS



Nguyễn Ngọc Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Số : 39 -22/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Điều hành
Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 02 năm 2022, từ trang 6 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Quốc Tuấn

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2018-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2018-034-1



Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2021	01/01/2021
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		85.802.913.233	268.816.859.277
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.532.235.854	1.521.951.763
1. Tiền	111	V.1.	5.532.235.854	1.521.951.763
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		80.270.677.379	267.294.907.514
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	-	4.000.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	2.420.700.222	1.507.109.722
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	535.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	77.314.977.157	261.787.797.792
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.907.889.026.631	1.533.631.227.944
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		459.840.220	645.461.920
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7.	459.840.220	645.461.920
- Nguyên giá	222		1.139.016.215	1.139.016.215
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(679.175.995)	(493.554.295)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8.	-	838.998.182
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	838.998.182
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2.	1.906.170.375.367	1.528.435.093.842
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.734.082.260.000	1.531.990.439.692
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		190.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		239.100.000	239.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(18.150.984.633)	(3.794.445.850)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.258.811.044	3.711.674.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	1.258.811.044	3.711.674.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.993.691.939.864	1.802.448.087.221

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		793.993.861.934	796.238.063.216
I. Nợ ngắn hạn	310		82.336.390.712	392.765.013.297
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10.	15.777.782.494	4.373.095.317
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11.	50.000.000	50.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12.	43.325.199.916	12.454.190.930
4. Phải trả người lao động	314		1.358.487.152	1.595.178.369
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13.	12.080.773.450	62.192.073.678
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14.	1.305.047.700	1.234.889.803
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.	8.439.100.000	310.865.585.200
II. Nợ dài hạn	330		711.657.471.222	403.473.049.919
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.	711.657.471.222	403.473.049.919
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.199.698.077.930	1.006.210.024.005
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	1.199.698.077.930	1.006.210.024.005
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		831.506.610.000	815.897.350.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		831.506.610.000	815.897.350.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		15.335.740.000	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		352.855.727.930	190.312.674.005
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		190.312.674.005	55.986.475.446
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		162.543.053.925	134.326.198.559
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.993.691.939.864	1.802.448.087.221

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	30.115.106.710	35.511.176.365
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		30.115.106.710	35.511.176.365
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2.	14.183.150.315	2.304.158.503
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		15.931.956.395	33.207.017.862
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	286.578.111.036	103.588.888.262
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	84.728.247.573	53.313.147.452
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		69.179.191.128	66.385.663.225
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7.	12.267.663.663	3.664.703.363
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		205.514.156.195	79.818.055.309
11. Thu nhập khác	31		7.616	-
12. Chi phí khác	32	VI.6.	1.868.277.124	294.049.661
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(1.868.269.508)	(294.049.661)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		203.645.886.687	79.524.005.648
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9.	41.102.832.762	11.174.527.089
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		162.543.053.925	68.349.478.559

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Thị Hải



Nguyễn Mạnh Phú



Nguyễn Ngọc Thủy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		203.645.886.687	79.524.005.648
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		185.621.700	179.905.989
- Các khoản dự phòng	03		14.356.538.783	(15.648.479.913)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(273.242.289.383)	(56.901.572.544)
- Chi phí lãi vay	06		69.179.191.128	66.385.663.225
- Các khoản điều chỉnh khác	07		838.998.182	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.963.947.097	73.539.522.405
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		188.042.879.559	(46.233.027.252)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		15.009.206.609	(200.898.594.814)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.077.862.957	(3.598.258.790)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(38.680.512.086)	(7.144.157.970)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(11.174.526.989)	(1.994.122.469)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		170.238.857.147	(186.328.638.890)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(535.000.000)	-
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(392.091.820.308)	(75.451.507.342)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		272.760.000.000	20.180.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		(1.360.041)	6.326.787.344
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(119.868.180.349)	(48.944.719.998)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		49.288.307.293	651.853.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(95.648.700.000)	(415.575.045.383)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(46.360.392.707)	236.277.954.617
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		4.010.284.091	1.004.595.729
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.521.951.763	517.356.034
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	5.532.235.854	1.521.951.763

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 35 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012. Từ ngày 22/12/2016, Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 số 0105824156, Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings. Công ty có 13 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 23/09/2021 về việc tăng vốn điều lệ thì vốn điều lệ của Công ty là **831.506.610.000 đồng** (Tám trăm ba mươi một tỷ, năm trăm lẻ sáu triệu, sáu trăm mười nghìn đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX) với mã chứng khoán là IBC.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực tư vấn quản lý, đầu tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

- Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);

- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);

- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn du học.

Trụ sở Công ty tại: Tầng 4, Tòa tháp A, Tòa nhà Sky City Tower, Số 88 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con kiểm soát trực tiếp

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất, kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax	Quận Ba Đình, Hà Nội	Giáo dục Tiếng Anh	66,36%	66,36%
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten	Quận Ba Đình, Hà Nội	Giáo dục mầm non	51,19%	51,19%
Công ty Cổ phần English Now Global	Quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục Tiếng Anh	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	Quận Đống Đa, Hà Nội	Giáo dục tiểu học	51%	51%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Danh sách các công ty liên kết

Đến thời điểm 31/12/2021, Công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ tầng giáo dục (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax ngày 04/01/2022) có trụ sở chính tại số 12 ngách 1, ngõ 111 Nguyễn Xiển, Phường Hạ Đình, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội. Người đại diện pháp luật bao gồm: Nguyễn Ngọc Khánh, Nguyễn Ngọc Thủy và Nguyễn Hoàng Lương. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty này là kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan và kinh doanh bất động sản. Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo năm, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết là 48,71%, tỷ lệ quyền biểu quyết và lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại thuyết minh số I.5) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

2. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Các khoản nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng không thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ

6.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao (năm)</i>
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí môi giới trái phiếu: Chi phí môi giới trái phiếu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng và theo kỳ hạn của trái phiếu.

8. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay.

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm khoản trích trước chi phí lãi vay và các khoản trích trước khác. Khoản trích trước chi phí lãi vay được căn cứ theo hợp đồng vay quy định trả lãi vay xong thực tế chưa chi nhưng được ước tính để ghi nhận vào chi phí của kỳ báo cáo. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

11. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành

Công ty đã phát hành trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, nhưng trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường. Công ty phát hành trái phiếu cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi (hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ việc giới thiệu khách hàng, tư vấn doanh nghiệp.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, toàn bộ là chi phí lãi vay.

15. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

15.1 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với thuế suất thuế GTGT 10% đối với hoạt động cung cấp dịch vụ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế đối với hoạt động kinh doanh thông thường.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	5.373.514.191	299.466.495
Tiền gửi ngân hàng	35.090.257	1.099.758.389
Tiền gửi tại tài khoản của Công ty chứng khoán	123.631.406	122.726.879
Cộng	5.532.235.854	1.521.951.763

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Dài hạn	31/12/2021		01/01/2021		Đơn vị tính: VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá gốc		Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.734.082.260.000	(18.025.884.633)	1.716.056.375.367	1.531.990.439.692	(3.669.345.850)	1.528.321.093.842
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (1)	1.381.543.760.000	-	1.381.543.760.000	1.280.576.840.000	-	1.280.576.840.000
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten (2)	236.100.000.000	-	236.100.000.000	174.900.000.000	-	174.900.000.000
Công ty Cổ phần English Now Global (3)	25.500.000.000	(17.336.116.849)	8.163.883.151	25.500.000.000	(3.228.042.467)	22.271.957.533
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia (4)	90.938.500.000	(689.767.784)	90.248.732.216	51.013.599.692	(441.303.383)	50.572.296.309
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	190.000.000.000	-	190.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ tầng Giáo dục (5)	190.000.000.000	-	190.000.000.000	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác	239.100.000	(125.100.000)	114.000.000	239.100.000	(125.100.000)	114.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng X18	125.100.000	(125.100.000)	-	125.100.000	(125.100.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	114.000.000	-	114.000.000	114.000.000	-	114.000.000
Cộng	1.924.321.360.000	(18.150.984.633)	1.906.170.375.367	1.532.229.539.692	(3.794.445.850)	1.528.435.093.842

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

- (1) Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax tập trung chủ yếu là hoạt động đào tạo tiếng Anh tại các trung tâm Anh ngữ Apax trên toàn quốc.
- (2) Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten tập trung chủ yếu là hoạt động giáo dục mầm non tại các trường mầm non.
- (3) Công ty Cổ phần English Now Global tập trung chủ yếu là hoạt động xây dựng cơ bản để thành lập các trung tâm đào tạo tiếng Anh.
- (4) Công ty Cổ phần Trường Liên cấp Firbank Australia tập trung chủ yếu là hoạt động xây dựng cơ bản để thành lập trường, hoạt động kinh doanh của công ty con chưa phát sinh doanh thu. Trong năm, Công ty tiếp tục góp bỏ sung một phần vốn góp vào Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia theo cam kết góp vốn khi thành lập Công ty con này từ năm 2019. Tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động, Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia vẫn chưa được góp đủ vốn điều lệ.
- (5) Trong năm, Công ty thực hiện đầu tư mới vào Công ty Cổ phần Tập đoàn Hạ tầng Giáo dục (Đổi tên từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển hạ tầng giáo dục Apax ngày 04/01/2022) là công ty liên kết theo Nghị quyết số 2406/2021/NQ-HĐQT ngày 24/06/2021 về việc phê duyệt việc góp vốn vào công ty mục tiêu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Chứng khoán Dầu khí	-	-	4.000.000.000	-
Cộng	-	-	4.000.000.000	-

4. Trả trước cho người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định tài chính Hoa Sen	539.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Vicad Tư vấn Đầu tư và Thiết kế	1.027.616.995	-	827.616.995	-
Firbank Grammar School	471.583.227	-	471.583.227	-
Các đối tượng khác	382.500.000	-	207.909.500	-
Cộng	2.420.700.222	-	1.507.109.722	-

5. Phải thu về cho vay

31/12/2021

01/01/2021

VND VND

Giá trị Giá trị

Ngắn hạn

Nguyễn Thị Hải (1)

535.000.000

Cộng

535.000.000

(1) Là khoản cho Bà Nguyễn Thị Hải vay theo Hợp đồng vay số 24.11/2021/HĐVV/NTH-AH ngày 24/11/2021 số tiền 77,186 tỷ đồng với lãi suất vay 8%/năm thời hạn 2 tháng kể từ ngày giải ngân.

6. Phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Phải thu khác	1.422.238.739	-	98.268.800.292	-
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax English	100.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần English Now Global	-	-	862.352.542	-
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	-	-	133.614.409	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Nguyễn Ngọc Thùy (1)	-	-	45.692.133.341	-
Công ty TNHH Thương mại Vận tải SchoolBus (2)	840.700.000	-	51.580.700.000	-
Các đối tượng khác (3)	481.538.739	-	-	-
Tạm ứng	8.916.318	-	-	-
Bùi Thị Thanh Vân	8.916.318	-	-	-
Phải thu người lao động	26.032.750	-	-	-
Các đối tượng khác	26.032.750	-	-	-
Ký quỹ, ký cược	75.857.789.350	-	163.518.997.500	-
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	-	-	121.183.997.500	-
Công ty Cổ phần Terra Gold Việt Nam (4)	75.852.789.350	-	42.330.000.000	-
Các đối tượng khác	5.000.000	-	5.000.000	-
Cộng	77.314.977.157	-	261.787.797.792	-

(1) Là khoản lãi đặt cọc do vi phạm thỏa thuận quy định theo thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Anh Ngữ Apax ngày 02/01/2020. Khoản này đã được tất toán trong năm.

(2) Là khoản phải thu Công ty TNHH Thương mại Vận tải SchoolBus theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 31.12/2020/HĐCN-English Now ngày 31/12/2020 về việc Công ty CP Đầu tư Apax Holdings bán một phần vốn chủ sở hữu tại Công ty CP English Now Global.

(3) Là khoản phải thu từ cho vay cá nhân Nguyễn Thị Hải, Thái Thị Minh Huệ.

(4) Giá trị đặt cọc theo Thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTHT/TG-APAX ngày 10/06/2019 về việc nhận chuyển nhượng "Phần dự án trường học" trên khu đất thực hiện dự án: Tổ hợp công trình hỗn hợp thương mại dịch vụ, văn phòng, nhà ở, nhà trẻ và trường học của Công ty CP Terra Gold Việt Nam. Chủ đầu tư là Công ty CP Terra Gold Việt Nam tại khu đất số 423 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy. Theo đó, thỏa thuận này được thiết lập cho mục đích ký hợp đồng chuyển nhượng "Phần dự án trường học" trên khu đất thuộc dự án trên Terra Gold sang cho Bên nhận chuyển nhượng phù hợp do Công ty CP Đầu tư Apax Holdings chỉ định. Việc thực hiện thỏa thuận được thông qua tại Nghị quyết HĐQT số 0608/2019/QĐ-HĐQT ngày 06/08/2019. Thỏa thuận sửa đổi bổ sung số 07/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 09/03/2021, trong vòng 03 năm kể từ ngày ký thỏa thuận hai bên sẽ thực hiện thủ tục chuyển nhượng Phần dự án trường học. Thỏa thuận bổ sung số 10/2021/TTSDBS/TG-APAX ngày 02/07/2021 bổ sung Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings còn phải thanh toán cho Công ty CP Terra Gold Việt Nam giá chuyển nhượng bao gồm: Tiền thuê đất với số tiền là 5.302.789.350 đồng (Năm tỷ ba trăm linh hai triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn ba trăm năm mươi đồng) và tiền sử dụng đất.

b) *Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

7. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Đơn vị tính: VND		
	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2021	802.350.909	336.665.306	1.139.016.215
Số dư ngày 31/12/2021	802.350.909	336.665.306	1.139.016.215

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Giá trị hao mòn lũy kế

Số dư ngày 01/01/2021	314.254.084	179.300.211	493.554.295
Khấu hao trong năm	80.235.084	105.386.616	185.621.700
Số dư ngày 31/12/2021	394.489.168	284.686.827	679.175.995

Giá trị còn lại

Tại ngày 01/01/2021	488.096.825	157.365.095	645.461.920
Tại ngày 31/12/2021	407.861.741	51.978.479	459.840.220

8. Tài sản dở dang dài hạn

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</i>		
Triển khai hệ thống phần mềm quản lý FSOFT	-	838.998.182
Cộng	-	838.998.182

9. Chi phí trả trước

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Dài hạn</i>		
Phí tư vấn tài chính	-	1.258.862.000
Chi phí môi giới trái phiếu	1.231.481.479	1.935.185.185
Chi phí phát hành trái phiếu	-	458.333.333
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	27.329.565	59.293.482
Cộng	1.258.811.044	3.711.674.000

10. Phải trả người bán

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty Cổ phần quản lý tài sản Dzambala	-	-	1.302.917.400	1.302.917.400
Công ty Cổ phần tập đoàn đầu tư Ecapital	13.550.516.100	13.550.516.100	-	-
Công ty TNHH KPMG	1.384.748.200	1.384.748.200	1.384.748.200	1.384.748.200
Công ty Cổ phần Đầu tư Eduland	367.327.200	367.327.200	1.294.529.000	1.294.529.000
Các đối tượng khác	475.190.994	475.190.994	390.900.717	390.900.717
Cộng	15.777.782.494	15.777.782.494	4.373.095.317	4.373.095.317

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lái	50.000.000	50.000.000
Cộng	50.000.000	50.000.000

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2021
<i>Phải nộp</i>				
Thuế GTGT đầu ra	618.785.014	1.242.758.138	836.796.213	1.024.746.939
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.174.527.089	41.102.832.762	11.174.526.989	41.102.832.862
Thuế thu nhập cá nhân	388.808.898	2.274.489.236	1.676.747.948	986.550.186
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	272.069.929	1.010.506.349	1.071.506.349	211.069.929
Cộng	12.454.190.930	45.630.586.485	14.759.577.499	43.325.199.916

13. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Trích trước chi phí lãi tiền vay	10.080.909.739	62.187.073.678
Trích trước chi phí lương, thưởng	542.863.711	-
Chi phí phải trả khác	1.457.000.000	5.000.000
Cộng	12.080.773.450	62.192.073.678

14. Phải trả khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Liên đoàn lao động quận Đống Đa	94.666.200	184.737.557
Cổ tức phải trả	-	589.041.135
Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten	-	150.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	1.210.381.500	-
Các đối tượng khác	-	311.111.111
Cộng	1.305.047.700	1.234.889.803

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Địa chỉ: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City Tower, số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính

	31/12/2021			01/01/2021			Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	8.439.100.000	8.439.100.000	49.878.014.909	352.304.500.109	310.865.585.200	310.865.585.200	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (1)	-	-	330.000.000	302.044.085.200	301.714.085.200	301.714.085.200	
Trung Thị Tâm (2)	7.064.000.000	7.064.000.000	931.207.616	3.018.707.616	9.151.500.000	9.151.500.000	
Vũ Cẩm La Hương (3)	1.375.100.000	1.375.100.000	1.375.100.000	-	-	-	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (6)			35.151.707.293	35.151.707.293			
Vũ Thanh Sơn			12.090.000.000	12.090.000.000			
b) Vay dài hạn	711.657.471.222	711.657.471.222	339.559.421.302	31.374.999.999	403.473.049.919	403.473.049.919	
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá (4)	300.000.000.000	300.000.000.000	-	-	300.000.000.000	300.000.000.000	
Trái phiếu chuyển đổi (5)	72.396.835.748	72.396.835.748	298.785.828	31.374.999.999	103.473.049.919	103.473.049.919	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (6)	35.151.707.293	35.151.707.293	35.151.707.293	-	-	-	
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax (1)	304.108.928.181	304.108.928.181	304.108.928.181	-	-	-	
Cộng	720.096.571.222	720.096.571.222	389.437.436.211	383.679.500.108	714.338.635.119	714.338.635.119	

(1) Hợp đồng cho vay tiền số 31.12/2021/HĐVV/AE-AH ngày 31/12/2021 với Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings, ngày đáo hạn là 31/12/2023 với số tiền 304.108.928.181 đồng, lãi suất 8,5%/năm, mục đích vay là phục vụ hoạt động kinh doanh. Số tiền vay 304.108.928.181 đồng là bao gồm số tiền gốc cho vay và lãi cho vay của hợp đồng cho vay tiền số 31.12/2020/HĐVV/AE-AH ngày 31/12/2020 với Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings, ngày đáo hạn là 31/12/2021.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng vay tiền số 01.01/2022/HĐVT/TTTAM-APAX HOLDINGS ngày 01/01/2022 với số tiền cho vay là 7.064.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/09/2022, lãi suất là 12%/365 ngày.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

- (3) Khoản vay ngắn hạn của Công ty với Bà Vũ Cẩm La Hương căn cứ theo các thỏa thuận tiền từng lần. Mục đích các khoản vay để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, không lãi suất, các thỏa thuận cho vay mượn từng lần trong vòng 6 tháng đối với từng khoản vay.
- (4) Theo Biên bản họp HĐQT số 1409/2020/BB-HĐQT ngày 14/09/2020, Nghị quyết hội đồng quản trị số 1709/2020/NQ-HĐQT ngày 17/09/2020 phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ, Tổng giá trị trái phiếu phát hành 300 trái phiếu; Ngày phát hành ngày 01/10/2020 và ngày kết thúc đợt phát hành ngày 21/12/2020. Đây là loại trái phiếu kỳ hạn 3 năm, trả lãi 6 tháng/lần với lãi suất cố định 12,5%/năm. Theo quy định, trái chủ được quyền yêu cầu Apax Holdings mua lại tối đa 50% trái phiếu sau 12 tháng và 100% sau 24 tháng kể từ ngày phát hành. Khi đó, trái phiếu sẽ được hưởng lãi suất cố định tương ứng là 10,5%/năm và 11,5%/năm. Ngược lại, trong điều kiện Apax Holdings có nhu cầu mua lại trái phiếu trước hạn kể từ 24 tháng đến dưới 36 tháng thì lãi suất sẽ là 12,5% với tối đa 100% tổng số lượng trái phiếu mà trái chủ sở hữu tại thời điểm đề nghị mua lại.
- Lãi suất danh nghĩa và kỳ hạn trả lãi:
 - + Lãi suất danh nghĩa bằng VND: Trái phiếu có lãi suất cố định
 - + Kỳ hạn trả lãi: Tiền lãi Trái phiếu được trả sau, định kỳ 6 tháng một lần.
- Mỗi trái phiếu sẽ được tính lãi kể từ và bao gồm ngày phát hành hoặc ngày tổ chức phát hành thực tế nhận số tiền đặt mua đối với trái phiếu đó, tùy ngày nào đến sau cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán/hoàn trả gốc trái phiếu.
- Lãi suất phát hành thực tế: Trái phiếu có lãi cố định 12,5%/năm.
 - Hình thức đảm bảo khoản vay:
- Đại lý quản lý tài sản đảm bảo: Công ty CP Chứng khoán An Bình.
- Hình Thức đảm bảo: Trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản.
 - Tài sản bảo đảm: Nghĩa vụ thanh toán nợ gốc, lãi Trái phiếu, lãi chậm trả Trái phiếu, lãi chậm trả Trái phiếu và các nghĩa vụ thanh toán khác của tổ chức phát hành đối với và liên quan đến trái phiếu được đảm bảo bằng tài sản tương ứng với 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá. Từ ngày phát hành cho đến ngày báo cáo kết quả phát hành, tài sản bảo đảm là 7.500.000 cổ phần Công ty CP Anh ngữ Apax thuộc sở hữu của Tổ chức phát hành và các quyền, lợi ích phát sinh từ/có liên quan đến số cổ phiếu này kể từ ngày thế chấp. Số lượng cổ phần thế chấp ban đầu có thể được điều chỉnh tùy nhiên phải đảm bảo tổng giá trị cổ phần thế chấp ban đầu sau khi kết thúc đợt phát hành không thấp hơn 125% Tổng giá trị Trái phiếu lưu hành theo mệnh giá.
- (5) Ngày 21/06/2018, Công ty đã hoàn tất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ lần 1 với giá trị 207 tỷ đồng trái phiếu có kỳ hạn 5 năm và lãi suất phát hành 5%/năm theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09/04/2018. Trái phiếu có thể được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông của Công ty, việc thực hiện quyền chuyển đổi sẽ thuộc về trái chủ. Trái chủ có quyền thực hiện chuyển đổi hoặc không chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ khối lượng trái phiếu đang nắm giữ. Tại thời điểm chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phần cho số trái phiếu được chuyển đổi và sẽ tăng vốn điều lệ tương ứng với số cổ phần được phát hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

Phương thức tính giá chuyển đổi như sau: giá thực hiện chuyển đổi sẽ được xác định theo công thức sau nhưng không cao hơn giá tham khảo và không thấp hơn giá điều chỉnh:

- Giá tham khảo: giá bình quân của: 1 tháng giao dịch + 1 tuần giao dịch (được xác định trước bằng văn bản) chia cho 3;
- Giá điều chỉnh: 70% của giá tham khảo;

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định mức giá chuyển đổi cụ thể tại thời điểm chuyển đổi theo tiêu chí giá tham khảo và giá điều chỉnh như đã nêu trên.

Do trái phiếu phát hành không xác định được số lượng cổ phiếu tại thời điểm phát hành mà phụ thuộc vào giá thị trường của cổ phiếu tại ngày đáo hạn nên được Công ty trình bày là trái phiếu thường.

Tổng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu chuyển đổi sẽ được sử dụng như sau:

- Giải ngân số tiền 188.785.840.000 đồng để mua 18.878.584 cổ phiếu Apax English, nâng tổng số cổ phiếu Công ty sở hữu tại Apax English lên 42.169.384 cổ phiếu;
- Bổ sung nguồn vốn lưu động cho các hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings số tiền: 18.214.160.000 đồng.

Chi phí phát hành trái phiếu là 2.170.000.000 đồng, chi phí này được phân bổ đều vào chi phí hàng năm với thời hạn 05 năm.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 09 tháng 04 năm 2018 thông qua phương án Phát hành trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ năm 2018; Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường lần thứ I năm 2019 số 0609/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 09 năm 2019 thông qua việc thay đổi cách tính giá chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi; Nghị quyết số 210/2019/QĐ-HĐQT ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc phê duyệt chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ, đã thông qua phương án chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu cho trái chủ như sau:

Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi:	103 trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi:	103.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)
Tỷ lệ chuyển đổi:	1: 49.835,54 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành 49.835,54 cổ phiếu). Nguyên tắc làm tròn số cổ phiếu được chuyển đổi: theo nguyên tắc làm tròn xuống. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống sẽ bị hủy.
Ngày chuyển đổi:	02/10/2019
Ngày chốt danh sách trái chủ để chuyển đổi:	27/09/2019
Ngày chốt danh sách để trả lãi trái phiếu (gần nhất):	11/09/2019
Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi:	5.133.059 cổ phiếu

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

Chuyển đổi 103 trái phiếu (giá trị trái phiếu là 103 tỷ đồng) thành 5.133.059 cổ phiếu với giá chuyển đổi 20.066 đồng. Tại ngày 11/10/2019, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kết quả chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi riêng lẻ thành cổ phiếu theo văn bản số 6152/UBCK-QLCB.

Theo nghị quyết Hội đồng quản trị số 1908/2021/NQ-HĐQT ngày 19/08/2021, Công ty tiếp tục chuyển đổi trái phiếu như sau:

Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi:	31 trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu đã chuyển đổi:	31.000.000.000 đồng (theo mệnh giá)
Tỷ lệ chuyển đổi:	1: 50.352,47 (Một trái phiếu được chuyển đổi thành 50.352,47 cổ phiếu). Nguyên tắc làm tròn số cổ phiếu được chuyển đổi: theo nguyên tắc làm tròn xuống. Cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống sẽ bị hủy.
Ngày chuyển đổi:	19/08/2021
Ngày chốt danh sách trái chủ đề chuyển đổi:	17/08/2021
Ngày chốt danh sách đề trả lãi trái phiếu (gần nhất):	11/06/2021
Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi:	1.560.926 cổ phiếu

(6) Khoản vay theo hợp đồng cho vay số 2021/HĐTD/VPB-APAX ngày 24/05/2021. Tổng hạn mức vay 229.958.000.000 đồng. Giá trị nhận theo từng khế ước nhận nợ. Khế ước nhận nợ kỳ này là 84 tháng. Từ ngày 28/5/2021 đến 28/05/2028. Lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 10,1%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong 02 tháng và hết 02 tháng lãi suất được điều chỉnh (+) biên độ 2,5%/năm. Số dư nợ vay tại thời điểm 31/12/2021 là 35.151.707.293 đồng. Tài sản cầm cố bao gồm các hợp đồng sau:

- Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/NGUYENNGOCTHUY ngày 24/05/2021: Bên bảo lãnh là Ông Nguyễn Ngọc Thủy. Bên được bảo lãnh là Công ty CP Đầu tư Apax Holdings;
- Hợp đồng cầm cố chứng khoán để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 01/HĐCCCK/VPB-APAX ngày 24/05/2021: Bên cầm cố là Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup tài sản cầm cố chứng khoán sau đây thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn giáo dục Egroup do Công ty CP Đầu tư Apax Holdings phát hành và toàn bộ cổ tức/lãi, quyền mua chứng khoán và các quyền và lợi ích vật chất khác phát sinh từ số chứng khoán này mã chứng khoán là IBC số lượng cổ phiếu 3.000.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000đ/Cổ phiếu. Bên vay là Công ty CP Đầu tư Apax Holdings. Bên nhận cầm cố Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Tài sản cầm cố đang được niêm yết để giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Tài sản cầm cố được lưu ký tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và được quản lý bởi Công ty CP Chứng khoán VPS và đã được phong tỏa số lượng chứng khoán tại thời điểm cầm cố;
- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTCQTS/VPB-APAX ngày 24/05/2021: Bên thế chấp Công ty CP Đầu tư Apax Holdings và bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng. Tài sản thế chấp Tất cả các quyền tài sản có phát sinh hoặc liên quan đến thỏa thuận hợp tác số 50/2019/TTH/TG-APAX ngày 10/06/2019 giữa Công ty CP Terra Gold Việt Nam và Công ty CP Đầu tư Apax Holdings.

c) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay và nợ thuê tài chính với các bên liên quan : Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	815.897.350.000	65.976.720.000	55.986.475.446	937.860.545.446
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	68.349.478.559	68.349.478.559
Tăng khác	-	-	65.976.720.000	65.976.720.000
Giảm vốn trong năm trước	-	(65.976.720.000)	-	(65.976.720.000)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	815.897.350.000	-	190.312.674.005	1.006.210.024.005
Tăng vốn trong kỳ này	15.609.260.000	15.335.740.000	-	30.945.000.000
Lãi trong năm nay	-	-	162.543.053.925	162.543.053.925
Số dư tại ngày 31/12/2021	831.506.610.000	15.335.740.000	352.855.727.930	1.199.698.077.930

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	496.899.990.000	502.829.990.000
Các đối tượng khác	334.606.620.000	313.067.360.000
Cộng	831.506.610.000	815.897.350.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	831.506.610.000	815.897.350.000
Vốn góp đầu năm	815.897.350.000	815.897.350.000
Vốn góp tăng trong năm	15.609.260.000	-
Vốn góp cuối năm	831.506.610.000	815.897.350.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.150.661	81.589.735
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	83.150.661	81.589.735
- Cổ phiếu phổ thông	83.150.661	81.589.735
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.150.661	81.589.735
- Cổ phiếu phổ thông	83.150.661	81.589.735
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.115.106.710	35.511.176.365
Cộng	30.115.106.710	35.511.176.365

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.183.150.315	2.304.158.503
Cộng	14.183.150.315	2.304.158.503

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	750.644	872.544
Lãi khoản đặt cọc với ông Nguyễn Ngọc Thùy (3)	13.335.821.653	45.729.941.560
Lãi từ khoản tạm ứng cho nhân viên	-	777.374.158
Lãi chuyển nhượng quyền mua cổ phần Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Amber (1)	272.760.000.000	57.080.700.000
Ông Nguyễn Ngọc Thùy (2)	115.000.000.000	-
Khách lẻ	129.880.000.000	-
Lãi khoản cho vay	27.880.000.000	-
Cộng	286.578.111.036	103.588.888.262

(1) Chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax theo Hợp đồng số 3006/2021/HĐCNQM/APAX-AFM ngày 30/06/2021 giá trị chuyển nhượng là 75 tỷ đồng và theo Hợp đồng số 2809/2021/HĐCNQM/APAX-AFM ngày 28/09/2021 giá trị chuyển nhượng là 40 tỷ đồng.

(2) Chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten theo Hợp đồng số 2211/2021/HĐCNQM/APAX-NNT ngày 22/11/2021 giá trị chuyển nhượng là 129,88 tỷ đồng.

(3) Là khoản lãi đặt cọc do vi phạm thỏa thuận quy định theo thỏa thuận đặt cọc chuyển nhượng cổ phần tại Công ty CP Anh ngữ Apax ngày 02/01/2020 và Phụ lục bổ sung khoản phạt vi phạm do chưa hoàn trả lại tiền cọc ngày 31/12/2020.

4. Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay	28.091.930.881	61.299.590.166
Lỗ bán khoản đầu tư	-	180.000.000
Lãi trái phiếu phát hành	41.087.260.247	5.086.073.059
Chi phí phát hành trái phiếu	1.002.489.533	229.900.160
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	(13.648.479.913)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	14.356.538.783	-
Chi phí tài chính khác	190.028.129	166.063.980
Cộng	84.728.247.573	53.313.147.452
5. Thu nhập khác	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập khác	7.616	-
Cộng	7.616	-
6. Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền phạt thuế và lãi chậm nộp bảo hiểm	1.029.278.942	294.044.985
Chi phí khác	838.998.182	4.676
Cộng	1.868.277.124	294.049.661
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
<i>a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</i>	<i>12.267.663.663</i>	<i>5.664.703.363</i>
Chi phí nhân viên quản lý	3.705.898.856	1.909.078.099
Chi phí vật liệu quản lý		
Chi phí đồ dùng văn phòng	31.963.918	59.749.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.621.700	179.905.989
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	74.027.865
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.277.220.011	3.412.311.062
Chi phí bằng tiền khác	1.063.959.178	29.631.347
<i>b) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>-</i>	<i>(2.000.000.000)</i>
Hoàn nhập dự phòng phải thu	-	(2.000.000.000)
Cộng	12.267.663.663	3.664.703.363
8. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	5.570.398.171	4.213.236.602
Chi phí khấu hao tài sản cố định	185.621.700	179.905.989
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.595.871.011	3.412.311.062
Chi phí khác bằng tiền	1.098.923.096	163.408.213
Cộng	26.450.813.978	7.968.861.866

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	203.645.886.687	79.524.005.648
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	1.868.277.124	294.044.985
Các khoản điều chỉnh khác (nếu có)	-	-
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	-
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	205.514.163.811	79.818.050.633
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường năm hiện hành	41.102.832.762	15.963.610.127
Chi phí thuế TNDN được giảm 30% số thuế TNDN phải nộp theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	-	4.789.083.038
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	41.102.832.762	11.174.527.089

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí phát hành trái phiếu	429.999.999	218.048.308
Lãi vay nhập gốc	589.707.616	487.630.583
Tăng vốn góp chủ sở hữu từ trái phiếu chuyển đổi	30.945.000.000	-
Phân loại khoản vay ngắn hạn sang dài hạn	256.655.792.493	-
Chuyển lãi vay thành gốc vay dài hạn	82.604.842.981	-
Lãi vay đã trả bù trừ qua công nợ phải thu	575.753.425	-
Xử lý công nợ lẻ của khoản vay	7.616	-

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	95.648.700.000	415.575.045.383
Cộng	95.648.700.000	415.575.045.383

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

VIII Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Danh sách các bên liên quan

Bên liên quan

Ông Nguyễn Ngọc Thủy
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax
Công ty Cổ phần English Now Global
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia
Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Ecapital

Mối quan hệ

Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty mẹ
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty con
Công ty liên quan

**) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vay		
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	330.000.000	350.880.000.000
Trả khoản vay		
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	80.540.000.000	398.765.914.800
Lãi nhập gốc vay		
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	82.604.842.981	-
Đặt cọc chuyển nhượng cổ phần		
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	-	121.183.997.500
Lãi đặt cọc chuyển nhượng cổ phần		
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	13.335.821.653	45.729.941.560
Lãi vay phát sinh		
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	24.130.948.339	55.966.927.517
Chuyển nhượng quyền mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Igarten cho Ông Nguyễn Ngọc Thủy		
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	129.880.000.000	-
Mua dịch vụ		
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Ecapital	12.318.651.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

***) Số dư với các bên liên quan**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	100.000.000	-
Công ty Cổ phần English Now Global	-	862.352.542
Công ty Cổ phần Trường liên cấp Firbank Australia	-	133.614.409
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	-	45.692.133.341
Ký quỹ, ký cược		
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	-	121.183.997.500
Phải trả khác		
Công ty Cổ phần Phát triển giáo dục Igarten	-	150.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup	1.210.381.500	-
Vay		
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	304.108.928.181	301.714.085.200
Chi phí lãi vay phải trả		
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	-	58.473.894.642
Phải trả người bán		
Công ty CP Tập đoàn đầu tư Ecapital	13.550.516.100	-

(*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.408.911.906	2.528.819.118
Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị	720.000.000	
Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát	48.000.000	
Cộng	2.176.911.906	2.528.819.118

Chi tiết từng thành viên như sau:

Thu nhập Ban Điều hành

Họ tên	Chức danh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Travis Richard Stewart	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2021)	-	-
Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 01/03/2021)	268.298.462	1.745.438.772
Trần Thị Mỹ Nga	Phó Tổng giám đốc (Từ nhiệm ngày 31/12/2021)	625.484.444	783.380.346
Nguyễn Hoàng Lương	Giám đốc tài chính (Bổ nhiệm ngày 04/10/2021)	515.129.000	-
Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng	-	-
Cộng		1.408.911.906	2.528.819.118

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Thù lao các thành viên Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức danh	Năm 2021 VND
Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch	360.000.000
Vũ Cẩm La Hương	Thành viên (Từ nhiệm ngày 08/04/2021)	120.000.000
Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên	48.000.000
Quách Mạnh Hào	Thành viên	48.000.000
Nguyễn Minh Chính	Thành viên Độc lập	48.000.000
Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên Độc lập	48.000.000
Sang Ho Jung	Thành viên Độc lập	48.000.000
Cộng		720.000.000

Thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát

Họ tên	Chức danh	Năm 2021 VND
Phạm Thị Thanh Thọ	Trưởng BKS	24.000.000
Nguyễn Thị Thanh Khuyên	Thành viên BKS	12.000.000
Phạm Thị Diệp	Thành viên BKS	12.000.000
Cộng		48.000.000

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.14 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản vay	720.096.571.222	714.338.635.119
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	5.532.235.854	1.521.951.763
Nợ thuần	714.564.335.368	712.816.683.356
Vốn chủ sở hữu	1.199.698.077.930	1.006.210.024.005
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	59,56%	70,84%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.532.235.854	1.521.951.763
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.314.977.157	265.787.797.792
Các khoản đầu tư tài chính	649.000.000	114.000.000
Cộng	83.496.213.011	267.423.749.555
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	720.096.571.222	714.338.635.119
Phải trả người bán và phải trả khác	17.082.830.194	5.607.985.120
Chi phí phải trả	12.080.773.450	62.192.073.678
Cộng	749.260.174.866	782.138.693.917

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	17.082.830.194	-	17.082.830.194
Chi phí phải trả	12.080.773.450	-	12.080.773.450
Các khoản vay	8.439.100.000	711.657.471.222	720.096.571.222
01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	5.607.985.120	-	5.607.985.120
Chi phí phải trả	62.192.073.678	-	62.192.073.678
Các khoản vay	310.865.585.200	403.473.049.919	714.338.635.119

Ban Điều hành đã đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình, Ban Điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.532.235.854	-	5.532.235.854
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.314.977.157	-	77.314.977.157
Các khoản đầu tư tài chính	535.000.000	649.000.000	1.184.000.000
01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.521.951.763	-	1.521.951.763
Phải thu khách hàng và phải thu khác	265.787.797.792	-	265.787.797.792
Các khoản đầu tư tài chính	-	114.000.000	114.000.000

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị






Nguyễn Thị Hải

Nguyễn Mạnh Phú

Nguyễn Ngọc Thủy